

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Cao Bằng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Cao Bằng tại Tờ trình số 1355/TTr-STC ngày 19 tháng 5 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 153 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Cao Bằng, cụ thể:

1. Lĩnh vực phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể: 93 thủ tục hành chính.
2. Lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam: 22 thủ tục hành chính.
3. Lĩnh vực phát triển doanh nghiệp nhà nước: 09 thủ tục hành chính.
4. Lĩnh vực quản lý đấu thầu: 05 thủ tục hành chính.
5. Lĩnh vực quản lý công sản: 09 thủ tục hành chính.
6. Lĩnh vực quản lý giá: 01 thủ tục hành chính.

7. Lĩnh vực tài chính đất đai: 03 thủ tục hành chính.
8. Lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn: 02 thủ tục hành chính
9. Lĩnh vực công nghệ thông tin: 01 thủ tục hành chính.
10. Lĩnh vực quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài: 08 thủ tục hành chính.

(chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh theo phạm vi, chức năng quản lý nhà nước và thẩm quyền giải quyết, rà soát, xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này (nếu có sự thay đổi), trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 3. Trong thời gian chờ Bộ Tài chính công bố chuẩn hoá nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp tục giải quyết thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật hiện hành. Trường hợp có thay đổi về tên cơ quan, đơn vị thực hiện giải quyết thủ tục hành chính so với quy định tại văn bản quy phạm pháp luật, các cơ quan, đơn vị sử dụng các biểu mẫu, quy trình giải quyết thủ tục hành chính với tên cơ quan, đơn vị đã được điều chỉnh để đảm bảo các yêu cầu tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TH, KT, TTTT, TTPVHCC;
- Viễn thông Cao Bằng;
- Lưu: VT, TTPVHCC(A).

[Signature]

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trịnh Trường Huy

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI CHÍNH,
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG, BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH,
UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ TỈNH CAO BẰNG

(Kèm theo Quyết định số: QĐ-UBND ngày tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng) *Vũyến Thuận*

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Đã công bố tại Quyết định (QĐ)	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện
I	Lĩnh vực phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể (93 TTHC)				
1	1.010010.000.00.00.H14	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp	QĐ số 1624/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
2	1.010023.000.00.00.H14	Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp	QĐ số 1624/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
3	2.001610.000.00.00.H14	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	QĐ số 1624/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
4	2.001583.000.00.00.H14	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	QĐ số 1624/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
5	2.001199.000.00.00.H14	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	QĐ số 1624/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
6	2.002043.000.00.00.H14	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	QĐ số 1624/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
7	2.002042.000.00.00.H14	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	QĐ số 1624/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
8	2.002041.000.00.00.H14	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	QĐ số 1624/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
9	1.005169.000.00.00.H14	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp	QĐ số 1624/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Đã công bố tại Quyết định	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện
		danh)			
10	2.002011.000.00.00.H14	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	QĐ số 1624/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
11	2.002010.000.00.00.H14	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	QĐ số 1624/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
12	2.002009.000.00.00.H14	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	QĐ số 1624/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
13	2.002008.000.00.00.H14	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	QĐ số 1624/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
14	1.005114.000.00.00.H14	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	QĐ số 1624/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
15	2.002000.000.00.00.H14	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết	QĐ số 1624/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
16	2.001996.000.00.00.H14	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	QĐ số 1624/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
17	2.001993.000.00.00.H14	Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	QĐ số 1624/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
18	2.002044.000.00.00.H14	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết	QĐ số 1624/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
19	2.001992.000.00.00.H14	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà	QĐ số 1624/QĐ-UBND	Cấp tỉnh	Sở Tài chính

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Đã công bố tại Quyết định	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện
		đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	ngày 08/11/2022		
20	2.001954.000.00.00.H14	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế (trừ thay đổi phương pháp tính thuế)	QĐ số 1624/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
21	2.002069.000.00.00.H14	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	QĐ số 1624/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
22	2.002070.000.00.00.H14	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	QĐ số 1624/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
23	2.002031.000.00.00.H14	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương	QĐ số 1624/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Đã công bố tại Quyết định	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện
24	2.002075.000.00.00.H14	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thay thế nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	QĐ số 1624/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
25	2.002072.000.00.00.H14	Thông báo lập địa điểm kinh doanh	QĐ số 1624/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
26	2.002045.000.00.00.H14	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	QĐ số 1624/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
27	1.005176.000.00.00.H14	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên Giấy phép đầu tư,	QĐ số 1624/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Đã công bố tại Quyết định	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện
		Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với chi nhánh, văn phòng đại diện địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.			
28	1.010026.000.00.00.H14	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền	QĐ số 1624/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
29	2.002085.000.00.00.H14	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty	QĐ số 1624/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
30	2.002083.000.00.00.H14	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty	QĐ số 1624/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
31	2.002059.000.00.00.H14	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	QĐ số 1624/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
32	2.002060.000.00.00.H14	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký	QĐ số 1624/QĐ-UBND	Cấp tỉnh	Sở Tài chính

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Đã công bố tại Quyết định	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện
		doanh nghiệp đổi với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	ngày 08/11/2022		
33	2.002057.000.00.00.H14	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đổi với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)	QĐ số 1624/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
34	2.002034.000.00.00.H14	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại	QĐ số 1624/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
35	2.002032.000.00.00.H14	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	QĐ số 1624/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
36	2.002033.000.00.00.H14	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	QĐ số 1624/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
37	1.010027.000.00.00.H14	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	QĐ số 1624/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
38	2.002018.000.00.00.H14	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác	QĐ số 1624/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
39	2.002017.000.00.00.H14	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận	QĐ số 1624/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Đã công bố tại Quyết định	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện
		đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế			
40	2.002015.000.00.00.H14	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	QĐ số 1624/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
41	2.002029.000.00.00.H14	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)	QĐ số 1624/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
42	2.002023.000.00.00.H14	Giải thể doanh nghiệp	QĐ số 1624/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
43	2.002022.000.00.00.H14	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	QĐ số 1624/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
44	2.002020.000.00.00.H14	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	QĐ số 1624/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
45	2.002016.000.00.00.H14	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	QĐ số 1624/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
46	2.000368.000.00.00.H14	Chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	QĐ số 1624/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
47	2.000416.000.00.00.H14	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội	QĐ số 1624/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
48	2.000375.000.00.00.H14	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội	QĐ số 1624/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Đã công bố tại Quyết định	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện
49	1.010029.000.00.00.H14	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	QĐ số 1624/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
50	1.010030.000.00.00.H14	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và có thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh	QĐ số 1624/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
51	1.010031.000.00.00.H14	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán	QĐ số 1624/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
52	2002635.000.00.00.H14	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	QĐ số 1175/QĐ-UBND ngày 13/9/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch
53	2002636.000.00.00.H14	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê	QĐ số 1175/QĐ-UBND ngày 13/9/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Đã công bố tại Quyết định	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện
		khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo			
54	2002637.000.00.00.H14	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	QĐ số 1175/QĐ-UBND ngày 13/9/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch
55	2002638.000.00.00.H14	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	QĐ số 1175/QĐ-UBND ngày 13/9/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch
56	2002639.000.00.00.H14	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	QĐ số 1175/QĐ-UBND ngày 13/9/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch
57	2002640.000.00.00.H14	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	QĐ số 1175/QĐ-UBND ngày 13/9/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch
58	2002641.000.00.00.H14	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	QĐ số 1175/QĐ-UBND ngày 13/9/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch
59	2002642.000.00.00.H14	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	QĐ số 1175/QĐ-UBND ngày 13/9/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch
60	2002643.000.00.00.H14	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QĐ số 1175/QĐ-UBND ngày 13/9/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch
61	2002644.000.00.00.H14	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	QĐ số 1175/QĐ-UBND ngày 13/9/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch
62	2002645.000.00.00.H14	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QĐ số 1175/QĐ-UBND ngày 13/9/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch
63	2002646.000.00.00.H14	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	QĐ số 1175/QĐ-UBND ngày 13/9/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Đã công bố tại Quyết định	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện
64	2002648.000.00.00.H14	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QĐ số 1175/QĐ-UBND ngày 13/9/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch
65	2002649.000.00.00.H14	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QĐ số 1175/QĐ-UBND ngày 13/9/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch
66	2002650.000.00.00.H14	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QĐ số 1175/QĐ-UBND ngày 13/9/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch
67	1005280.000.00.00.H14	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QĐ số 1175/QĐ-UBND ngày 13/9/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch
68	2002123.000.00.00.H14	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyên đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	QĐ số 1175/QĐ-UBND ngày 13/9/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch
69	1005277.000.00.00.H14	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh	QĐ số 1175/QĐ-UBND ngày 13/9/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch
70	1004901.000.00.00.H14	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	QĐ số 1175/QĐ-UBND ngày 13/9/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch
71	1004979.000.00.00.H14	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QĐ số 1175/QĐ-UBND ngày 13/9/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch
72	2001958.000.00.00.H14	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;	QĐ số 1175/QĐ-UBND ngày 13/9/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Đã công bố tại Quyết định	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện
		Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập			
73	1005378.000.00.00.H14	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QĐ số 1175/QĐ-UBND ngày 13/9/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch
74	1005377.000.00.00.H14	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QĐ số 1175/QĐ-UBND ngày 13/9/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch
75	2001973.000.00.00.H14	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	QĐ số 1175/QĐ-UBND ngày 13/9/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch
76	1004982.000.00.00.H14	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QĐ số 1175/QĐ-UBND ngày 13/9/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch
77	1005010.000.00.00.H14	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QĐ số 1175/QĐ-UBND ngày 13/9/2024	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch
78	1001612.000.00.00.H14	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	QĐ số 1002/QĐ-UBND ngày 14/8/2023	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch
79	2000720.000.00.00.H14	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	QĐ số 1002/QĐ-UBND ngày 14/8/2023	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch
80	1001570.000.00.00.H14	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo	QĐ số 1002/QĐ-UBND ngày 14/8/2023	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Đã công bố tại Quyết định	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện
		của hộ kinh doanh			
81	1001266.000.00.00.H14	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	QĐ số 1002/QĐ-UBND ngày 14/8/2023	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch
82	2000575.000.00.00.H14	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	QĐ số 1002/QĐ-UBND ngày 14/8/2023	Cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch
83	2.002418.000.00.00.H14	Hỗ trợ tư vấn, công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị	QĐ số 1093/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
84	2.001999.000.00.00.H14	Thủ tục hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp	QĐ số 1093/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
85	2.000024.000.00.00.H14	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	QĐ số 1937/QĐ-UBND ngày 30/11/2018	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
86	1.000016.000.00.00.H14	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	QĐ số 1937/QĐ-UBND ngày 30/11/2018	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
87	2.000005.000.00.00.H14	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	QĐ số 1937/QĐ-UBND ngày 30/11/2018	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
88	2.002005.000.00.00.H14	Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	QĐ số 1937/QĐ-UBND ngày 30/11/2018	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
89	2.002004.000.00.00.H14	Thủ tục thông báo về việc chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư	QĐ số 1937/QĐ-UBND ngày 30/11/2018	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
90	2.002226.000.00.00.H14	Thông báo thành lập tổ hợp tác	QĐ số 249/QĐ-UBND ngày 13/3/2023	Cấp xã	UBND cấp xã
91	2.002227.000.00.00.H14	Thông báo thay đổi tổ hợp tác	QĐ số 249/QĐ-UBND ngày 13/3/2023	Cấp xã	UBND cấp xã

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Đã công bố tại Quyết định	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện
92	2.002228.000.00.00.H14	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	QĐ số 249/QĐ-UBND ngày 13/3/2023	Cấp xã	UBND cấp xã
93	2.002668.H14	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QĐ số 1848/QĐ-UBND ngày 20/12/2024	Cấp xã	UBND cấp xã
II	Lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam (22 TTHC)				
94	1.009642.000.00.00.H14	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh	QĐ số 1499/QĐ-UBND ngày 18/8/2021	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
95	1.009644.000.00.00.H14	Thủ tục điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh	QĐ số 1499/QĐ-UBND ngày 18/8/2021	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
96	1.009649.000.00.00.H14	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	QĐ số 1499/QĐ-UBND ngày 18/8/2021	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
97	1.009650.000.00.00.H14	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	QĐ số 1499/QĐ-UBND ngày 18/8/2021	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
98	1.009652.000.00.00.H14	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	QĐ số 1499/QĐ-UBND ngày 18/8/2021	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
99	1.009654.000.00.00.H14	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án thuộc thẩm	QĐ số 1499/QĐ-UBND ngày 18/8/2021	Cấp tỉnh	Sở Tài chính

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Đã công bố tại Quyết định	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện
		quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh			
100	1.009655.000.00.00.H14	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh	QĐ số 1499/QĐ-UBND ngày 18/8/2021	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
101	1.009659.000.00.00.H14	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Tài chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	QĐ số 1499/QĐ-UBND ngày 18/8/2021	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
102	1.009665.000.00.00.H14	Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	QĐ số 1499/QĐ-UBND ngày 18/8/2021	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
103	1.009671.000.00.00.H14	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	QĐ số 1499/QĐ-UBND ngày 18/8/2021	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
104	1.009736.000.00.00.H14	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	QĐ số 1499/QĐ-UBND ngày 18/8/2021	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
105	1.009642.000.00.00.H14	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	QĐ số 1499/QĐ-UBND ngày 18/8/2021	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
105	1.009646.H14	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	QĐ số 1499/QĐ-UBND ngày 18/8/2021	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
107	1.009647.000.00.00.H14	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	QĐ số 1499/QĐ-UBND ngày 18/8/2021	Cấp tỉnh	Sở Tài chính

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Đã công bố tại Quyết định	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện
108	1.009653.000.00.00.H14	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	QĐ số 1499/QĐ-UBND ngày 18/8/2021	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
109	1.009656.000.00.00.H14	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	QĐ số 1499/QĐ-UBND ngày 18/8/2021	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
110	1.009657.000.00.00.H14	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	QĐ số 1499/QĐ-UBND ngày 18/8/2021	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
111	1.009661.000.00.00.H14	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Tài chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	QĐ số 1499/QĐ-UBND ngày 18/8/2021	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
112	1.009662.000.00.00.H14	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc	QĐ số 1499/QĐ-UBND ngày 18/8/2021	Cấp tỉnh	Sở Tài chính

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Đã công bố tại Quyết định	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện
		thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Tài chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư			
113	1.009664.000.00.00.H14	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	QĐ số 1499/QĐ-UBND ngày 18/8/2021	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
114	1.009729.000.00.00.H14	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài	QĐ số 1499/QĐ-UBND ngày 18/8/2021	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
115	1.009731.000.00.00.H14	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	QĐ số 1499/QĐ-UBND ngày 18/8/2021	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
III	Lĩnh vực phát triển doanh nghiệp nhà nước (09 TTHC)				
116	1.007623.000.00.00.H14	Thủ tục cấp phát kinh phí đối với các tổ chức, đơn vị trực thuộc địa phương	QĐ số 1863/QĐ-UBND ngày 13/12/2022	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
117	2.002665.H14	Chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	QĐ số 1400/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
118	2.002.666.H14	Chuyển đổi công ty con chưa chuyển đổi thành công ty TNHH MTV	QĐ số 1400/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
119	2.002.667.H14	Đăng ký lại chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của công ty nhà nước và công ty con chưa chuyển đổi	QĐ số 1400/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
120	2.000529.000.00.00.H14	Thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan	QĐ số 1214/QĐ-UBND ngày 15/9/2025	Cấp tỉnh	Sở Tài chính

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Đã công bố tại Quyết định	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện
		đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập			
121	2.001061.000.00.00.H14	Hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	QĐ số 1214/QĐ-UBND ngày 15/9/2025	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
122	2.001025.000.00.00.H14	Chia, tách doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	QĐ số 1214/QĐ-UBND ngày 15/9/2025	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
123	1.002395.000.00.00.H14	Tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý)	QĐ số 1214/QĐ-UBND ngày 15/9/2025	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
124	2.001021.000.00.00.H14	Giải thể doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý)	QĐ số 1214/QĐ-UBND ngày 15/9/2025	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
IV	Lĩnh vực quản lý đấu thầu (05 TTHC)				
125	2.002603.H14	Công bố dự án đầu tư kinh doanh đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất	QĐ số 604/QĐ-UBND ngày 12/5/2025	Cấp tỉnh	Sở Tài chính, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh
126	1.009493.000.00.00.H14	Thẩm định nội dung điều chỉnh quyết	QĐ số 604/QĐ-UBND	Cấp tỉnh	Sở Tài chính

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Đã công bố tại Quyết định	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện
		định chủ trương đầu tư, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	ngày 12/5/2025		
127	1.009494.000.00.00.H14	Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 12/5/2025	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
128	1.009492.000.00.00.H14	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 12/5/2025	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
129	1.009491.000.00.00.H14	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 12/5/2025	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
V	Lĩnh vực quản lý công sản (09 TTHC)				
130	3.000257.H14	Xác lập quyền sở hữu toàn dân và chuyển giao công trình điện có nguồn gốc ngoài ngân sách nhà nước	QĐ số 291/QĐ-UBND ngày 14/3/2024	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
131	3.000256.H14	Chuyển giao công trình điện là hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong các dự án khu đô thị, khu dân cư và dự án khác do chủ đầu tư phải bàn giao lại cho Nhà nước theo quy định của pháp luật	QĐ số 291/QĐ-UBND ngày 14/3/2024	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
132	3.000291.H14	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch quản lý, khai thác nhà, đất	QĐ số 1321/QĐ-UBND ngày 14/10/2024	Cấp tỉnh	Sở Tài chính

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Đã công bố tại Quyết định	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện
133	3.000325.H14	Thanh toán chi phí liên quan đến xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	QĐ số 148/QĐ-UBND ngày 14/2/2025	Cấp tỉnh, cấp huyện	Sở Tài chính, UBND cấp huyện (phòng Tài chính - Kế hoạch)
134	3.000410.H14	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản là di sản không có người thừa kế	QĐ số 499/QĐ-UBND ngày 21/4/2025	Cấp tỉnh, cấp huyện	Sở Tài chính, UBND cấp huyện (phòng Tài chính - Kế hoạch)
135	3.000327.H14	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	QĐ số 148/QĐ-UBND ngày 14/2/2025	Cấp tỉnh, cấp huyện	Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện (phòng Tài chính - Kế hoạch)
136	3.000324.H14	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	QĐ số 148/QĐ-UBND ngày 14/2/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường
137	3.000328.H14	Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	QĐ số 148/QĐ-UBND ngày 14/2/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường
138	3.000326.H14	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại	QĐ số 148/QĐ-UBND ngày 14/2/2025	Cấp tỉnh, cấp huyện	Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện (phòng Tài chính - Kế hoạch)
VI	Lĩnh vực quản lý giá (01 TTHC)				
139	1.012735.H14	Hiệp thương giá	Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 23/8/ 2024	Cấp tỉnh	Sở quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ
VII	Lĩnh vực tài chính đất đai (03 TTHC)				

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Đã công bố tại Quyết định	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện
140	1.012996.H14	Thanh toán, xóa nợ tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ	QĐ số 03/QĐ-UBND ngày 03/01/2025	Cấp tỉnh, cấp huyện	UBND cấp huyện, chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại cấp huyện
141	1.012995.H14	Ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư	QĐ số 03/QĐ-UBND ngày 03/01/2025	Cấp tỉnh, cấp huyện	UBND cấp huyện, chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại cấp huyện
142	1.012994.H14	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	QĐ số 03/QĐ-UBND ngày 03/01/2025	Cấp tỉnh, cấp huyện	UBND cấp huyện, chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại cấp huyện
VIII	Lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (02 TTHC)				
143	2.000765.000.00.00.H14	Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ	QĐ số 1937/QĐ-UBND ngày 30/11/2018	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
144	2.000746.000.00.00.H14	Nghiệm thu hoàn thành các hạng mục đầu tư hoặc toàn bộ dự án được hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ	QĐ số 1937/QĐ-UBND ngày 30/11/2018	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường
IX	Lĩnh vực công nghệ thông tin (01 TTHC)				
145	2.002206.000.00.00.H14	Thủ tục đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách	QĐ số 520/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 của	Cấp tỉnh	Sở Tài chính

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Đã công bố tại Quyết định	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện
			UBND tỉnh Cao Bằng		
X	Lĩnh vực quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài (08 TTHC)				
146	1.008423.000.00.00.H14	Quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản	QĐ số 1071/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
147	2.002333.000.00.00.H14	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	QĐ số 1071/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
148	2.002334.000.00.00.H14	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án đầu tư sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	QĐ số 1071/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
149	2.002335.000.00.00.H14	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	QĐ số 1071/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	Cấp tỉnh	Sở Tài chính

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Đã công bố tại Quyết định	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện
150	2.002050.000.00.00.H14	Kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm	QĐ số 1071/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
151	2.002053.000.00.00.H14	Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng	QĐ số 1071/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
152	2.001991.000.00.00.H14	Quyết định phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án (bao gồm dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi để chuẩn bị dự án đầu tư)	QĐ số 1071/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	Cấp tỉnh	Sở Tài chính
153	2.002551.H14	Quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.	QĐ số 1071/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	Cấp tỉnh	Sở Tài chính

Tổng số danh mục TTHC công bố: 153 TTHC (trong đó TTHC áp dụng chung cấp huyện, cấp tỉnh: 07 TTHC)
- Cấp tỉnh: 118 TTHC (Sở Tài chính: 110 TTHC; Sở Nông nghiệp và Môi trường: 08 TTHC; Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh: 01 TTHC (TTHC dùng chung))
- Cấp huyện: 38 TTHC
- Cấp xã: 04 TTHC